

GIA LONG Ở THĂNG LONG (TỪ NGÀY 21/7 ĐẾN 27/9 ÂM LỊCH NĂM 1802)*

PGS. TS Choi Byung Wook**

1. Giới thiệu

Trong lịch sử Việt Nam, sự thống nhất Việt Nam từ Lạng Sơn đến Cà Mau được tiến hành trong 2 lần. Lần thứ nhất diễn ra vào thế kỷ XIX dưới thời vua Gia Long - người là hiện thân sự thống nhất miền Nam (Gia Định) và miền Bắc (Thăng Long)¹. Lần thứ hai là vào thế kỷ XX mà chúng tôi không đề cập trong bài viết này. Gia Long còn sống sót sau cuộc chiến tranh thống nhất dân tộc và đã đặt chân tới thủ đô của lực lượng đối lập nếu chúng ta xem xét rằng cuộc nội chiến từ đầu thế kỷ XVII giữa họ Trịnh và họ Nguyễn. Ông đã từng hiện diện ở 3 trung tâm chính trị gồm Sài Gòn, Huế và Thăng Long để cai trị đất nước. Ông ở Sài Gòn năm 1788 để chuẩn bị lên ngôi hoàng đế vào năm sau đó, đến Huế vào tháng 5/1801 và tiếp tục về Thăng Long trước khi ông chọn Huế là nơi trị vì lâu dài.

Gia Long vào thành Thăng Long vào ngày 21/6/1802 (âm lịch) và ông rời Thăng Long vào ngày 27/9 năm đó². Trong suốt 3 tháng giam mình trong điện Kính Thiên, Gia Long ban hành một loạt chính sách mới để cai trị lãnh thổ mới Việt Nam³.

Sự hiện diện của Gia Long ở Thăng Long có ý nghĩa đáng kể mặc dù thời gian chỉ là 3 tháng. Trong suốt thời gian ông ở đây, ông đã minh chứng cho các luật quan trọng như việc cải tổ bộ máy hành chính nhà nước, thiết lập mối quan hệ ngoại giao, hệ thống thuế, quản lý giáo dục, cách thức đương đầu với quân thù... Với thời gian 3 tháng Gia Long ở Thăng Long, thành phố này trở thành thành phố lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam là trung tâm tập trung quyền lực của toàn bộ quốc gia bao gồm các khu vực quanh sông Hồng, sông Hương và sông Cửu Long.

Trong số những chính sách mới được ban hành trong 3 tháng đó, tôi muốn tập trung nói về 2 vấn đề. Một là chính sách hoà giải đối với những quan lại thời Trịnh và Lê. Hai là việc thiết lập mối quan hệ ngoại giao với ngoại quốc.

Tại sao và như thế nào mà hai chính sách này liên kết với nhau để ta có thể hiểu thêm về Thăng Long vào đầu thế kỷ XIX? Theo quan điểm của tôi, hai chính sách này là

* Người dịch: ThS Phạm Quốc Thành, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

** Đại học Inha, Hàn Quốc.

hai điểm chính mà Gia Long xét đến để bảo vệ dân tộc mình khỏi những nguy cơ tiềm ẩn từ cả bên trong và bên ngoài. Bằng việc xem xét 2 chính sách này, chúng ta sẽ hiểu hơn tầm quan trọng về sự hiện diện của Gia Long đối với việc thống nhất dân tộc vào nửa đầu thế kỷ XIX.

2. Hoà giải

Như đã biết, Nguyễn Phúc Ánh (1762 - 1820, sau này có hiệu là Gia Long) là một chiến binh dày dạn kinh nghiệm (một xạ thủ cừ khôi) người đã lăn lộn trên rất nhiều chiến trường từ thuở thiếu thời. Khi quân đội của mình tiến ra phía bắc để giành lại thành Thăng Long từ tay quân Tây Sơn, ông đã ngay lập tức theo sau đoàn bộ binh lãnh đạo bởi Tả tướng Lê Văn Duyệt, cùng lúc đó là lực lượng hải quân do tướng Nguyễn Văn Trương chỉ huy. Theo *Đại Nam thực lục*, Lê Văn Duyệt chiếm được thành Thăng Long vào ngày 17/6. Chỉ 4 ngày sau đó, Nguyễn Phúc Ánh đã làm chủ điện Kính Thiên, nơi ở của các hoàng đế triều Lê.

Nhiệm vụ cấp bách nhất khi đó là ông phải cho thấy mình là người đứng đầu mới của toàn bộ đất nước. Để thực hiện được điều này, ông đã tuyên bố thắng lợi của mình bằng rất nhiều những mỹ từ rằng ông thay trời hành đạo diệt trừ quân Tây Sơn: "Từ khi giặc Tây Sơn nổi loạn, nhân dân lầm than đã lâu. Trẫm nay vâng làm lệnh phạt của trời, trên để trả thù cho tổ tiên đất nước, dưới để cởi bỏ đau khổ cho nhân dân..."⁴.

Chính sách hoà giải của ông tập trung vào những thành viên trong bộ máy chính quyền cai trị trước đây dưới thời Lê/Trịnh, và vào người nhà Tây Sơn: "Mới đây giặc Tây Sơn, can phạm đạo thường, làm cho trời đất tối đen trong lúc ấy có nhiều người ẩn náu, không muốn làm quan cho giặc, mà ôm đống giữ tài là để chờ thời..."⁵. Các quan lại dưới triều Lê trước đây có thể được tha nếu họ không nhận lời mời làm quan của quân Tây Sơn mặc dù trong thực tế những người này chính là người của nhà Trịnh, những kẻ đã tranh chấp với nhà Nguyễn và đã đưa quân vào chiếm kinh đô của nhà Nguyễn (1775) bằng việc lợi dụng tình trạng hỗn loạn gây ra bởi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn ở miền Nam. Ông ta không có đủ lòng thương để tha cho những tướng lĩnh hàng đầu trong bộ máy chính quyền Tây Sơn bởi đây là những người luôn muốn tiêu diệt cả gia đình ông cho đến người cuối cùng. Tuy nhiên, đối với những binh lính còn lại, ông muốn đưa họ gia nhập đội quân của mình: "Còn người nào bị ép phải theo thì đều tha, nên cứ ở yên như cũ. Những kẻ có nhận quan chức của giặc ra thú thì được miễn tội, gần thì hạn 3 ngày, xa thì hạn 5 ngày"⁶. Trước sắc lệnh này, rất nhiều tướng sỹ của triều Lê/Trịnh trước đây và Tây Sơn đã quyết định phụng sự vương triều mới.⁷ Trong bối cảnh này, theo Phan Thúc Trục, một câu thành ngữ như sau đã từng được lưu truyền ở miền Bắc Việt Nam: "trong số 24 tiến sỹ triều Lê, 8 là thật, 8 là giả, và 8 là vừa giả vừa thật. Nếu họ mà bỏ mũ áo ra, thì chẳng còn phân biệt được thật giả nữa."⁸.

Những nhà trí thức nho giáo, những người được cho là trung quân, nhưng lại góp sức cho quân Tây Sơn cũng không tránh khỏi sự trừng phạt, mặc dù một vài người có chức quan thuộc hàng cao nhất trong triều Tây Sơn như Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803), Nguyễn Gia Phan (1749 - 1829), và Phan Huy Ích (1750 - 1822) đã được miễn tội chết để có thể phụng sự vương triều mới trong công tác ngoại giao với Trung Quốc bởi họ là những người có đầy đủ kinh nghiệm trong vấn đề này⁹. Mặc dù đây chỉ là tạm thời và sau này họ vẫn phải chịu hình phạt, nhưng những chứng cứ đã cho chúng ta thấy rằng Gia Long đã tìm cách duy trì chính sách hoà giải của mình càng lâu càng tốt¹⁰.

Gia Long đã tổ chức một buổi nghi lễ cho người dân và dành cho các vị thần có liên quan tới Thăng Long. Trong sách *Đại Nam thực lục*, Gia Long đã ra ngoài điện Kính Thiên lần đầu tiên để tới thăm lăng Lê Thái Tổ (tháng 7)¹¹ và một tháng sau đó¹² ông chịu trách nhiệm tổ chức *thu lễ ở Văn Miếu* được xây dựng vào triều Lý và được duy trì suốt thời Lê¹³.

Nhằm kết nối người dân ngoài Bắc, ngài tìm đến hậu duệ của họ Lê là Lê Duy Hoán và bổ nhiệm ông là Diên Tự Công cho ông 1.016 người hầu cận và 10.000 mẫu đất¹⁴. Chính sách nổi trội hơn nữa của Gia Long là trong việc nhẹ nhàng đối với họ Trịnh. Theo nguyên tắc đối xử nòng hậu, Gia Long nhấn mạnh với người truyền ngôn của nhà Trịnh: “Tiên thế ta với họ Trịnh vốn là nghĩa thông gia. Trung gian Nam Bắc chia đôi, dần nên ngăn cách, đó là việc đã qua của người trước, không nên nói nữa. Ngày nay trong ngoài một nhà, nghĩ lại mỗi tình thích thuộc bao đời, thương người còn sống, nhớ người đã mất, nên lấy tình hậu mà đối xử...”¹⁵. Dựa trên ý tưởng này, ông thấy rằng hậu duệ của họ Trịnh có trách nhiệm theo những nghi lễ của tổ tiên nhà Trịnh¹⁶. Hơn thế nữa, Gia Long đã cung cấp cho Trịnh Tư - người có trách nhiệm với việc cúng tế tổ tiên nhà Trịnh - 500 mẫu ruộng để tiếp tục nhiệm vụ ông ta đang đảm nhiệm. Cùng thời điểm đó, 247 thành viên họ Trịnh được miễn thuế *binh dịch* và *thuế thân*¹⁷.

Việc hoà giải dần xẹp của vua Gia Long dành cho cả hậu duệ của những người có công được coi là *khai quốc công thần* và *trung hưng công thần* của triều Lê. 33 *khai quốc công thần* và 15 *trung hưng công thần* được đặt tên khiến cho con cháu họ được tôn vinh bởi những tước hiệu khác nhau¹⁸. Đối với những người ở phía bắc không theo nhà Tây Sơn, hoặc là chiến đấu chống lại hoặc là bất hợp tác với, thì đều được liệt vào danh sách những người trung quân. Đối với những trường hợp cầm vũ khí chiến đấu, không ai có thể phủ nhận được còn đối với những người không theo địch thì việc phân biệt giữa việc chống lại và cộng tác là khá khó. Điều quan trọng hơn đối với Gia Long ở Thăng Long là vấn đề hoà giải với càng nhiều người càng tốt ngoại trừ nhóm những người cộng tác tích cực hoặc những thành viên chủ chốt của nhà Tây Sơn.

Một điều nữa cần chú ý là chính sách hoà giải của Gia Long đối với các dân tộc thiểu số. Gia Long là hiện thân của một xã hội đa dân tộc, vì thế sức mạnh của người dựa vào sự đoàn kết đa tộc người¹⁹. Vào thời điểm đó, các tỉnh Tuyên Quang, Hưng Hoá, Thái Nguyên có rất nhiều tộc người cư trú. Để liên kết sức mạnh của tất cả các tộc người này thành một quốc gia hùng mạnh mới, Gia Long mời họ về Thăng Long²⁰. Thực hiện lời hứa, triều đình đã ban cho họ các chức quan²¹.

Kết quả những nỗ lực hoà hợp của Gia Long được tổng kết ngắn gọn trong đề nghị do một thân dân miền Bắc đưa ra. Thật thú vị, đề nghị đó chính là Gia Long nên lên ngôi hoàng đế và do những người miền Bắc đã từng phục vụ trong và ngoài quân đội của nhà Lê/Trịnh cũng như những người đứng đầu các vùng dân tộc thiểu số đề xuất. Tuy nhiên, Gia Long đã không chấp nhận lời đề nghị này²².

3. Các mối quan hệ ngoại giao

Từ khi Gia Long định cư ở điện Kính Thiên thuộc thành Thăng Long, nhiều sứ giả nước ngoài đã lần lượt đến Thăng Long và tiếp kiến ông. Đầu tiên là vua Luang Prabang. Vị vua Lào này không phải là vua chính danh mà đang bị lưu vong ở tỉnh Hưng Hoá²³. Tuy nhiên, sự hiện diện của vua ngoại quốc ở điện Kính Thiên đã góp phần nâng cao uy tín của Gia Long. Tiếp theo, các nước Cao Miên, Lào và Xiêm cũng gửi các sứ giả đến để trình quốc thư chúc mừng²⁴.

Theo tôi được biết thì đây là lần đầu tiên các sứ giả ngoại giao từ các vùng Vạn Tượng, Cao Miên và Thái Lan đến thành Thăng Long gần như cùng một lúc. Bởi Xiêm cũng nằm trong nhóm những sứ giả đến thăm Thăng Long trong khi Chăm-pa lại không có trong chính sách mở rộng đất đai của nhà Nguyễn, số lượng các sứ giả ngoại quốc đến đây nhiều hơn bất kỳ thời kỳ nào khác trước đó. Đó chính là dấu hiệu cho thấy mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam sẽ được mở rộng hơn về hướng Đông Nam Á. Trong suốt những thập kỷ tiếp theo mối quan hệ này tiếp tục được mở rộng với Miên Điện²⁵ và các quốc gia đảo vùng Đông Nam Á.

Đặc biệt, sự xuất hiện của sứ giả Xiêm có ý nghĩa vô cùng quan trọng. Từ khi Nguyễn Phúc Ánh tị nạn tại Bangkok năm 1785. Mối quan hệ giữa Nguyễn Phúc Ánh và Bangkok nhanh chóng trở nên bền chặt. Cho tới cuối thời Gia Long, việc mô tả mối quan hệ này với sứ giả ngoại giao có liên quan tới Xiêm xuất hiện trong cuốn *Đại Nam thực lục* với số lượng đáng ngạc nhiên là 60 trong khi con số kỷ lục giữa Việt Nam với Trung Quốc chỉ là 6. Nếu chúng ta còn nhớ các quốc gia hùng mạnh ở lục địa Đông Nam Á được lần lượt hình thành trong suốt nửa cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XIX (triều đại Konbaung ở Miên Điện, triều đại Chakri ở Xiêm, nhà Tây Sơn và nhà Nguyễn) thì mối quan hệ ngoại giao của Việt Nam có xu hướng trở nên gần gũi hơn với mỗi quan hệ giữa các cường quốc ở Đông Nam Á là tương đối bình đẳng hơn là mối quan hệ bất bình đẳng với Trung Quốc trước đây²⁶. Bước chuyển quan trọng này bắt đầu ở Thăng Long.

Từ đầu thế kỷ XIX, sự quan tâm của Việt Nam đối với Trung Quốc giảm mạnh. Lý do một phần là vì thống nhất dân tộc giành được là do sáng kiến của người Việt phương Nam - những người là một bộ phận của nhà Nguyễn Việt Nam ở Đàng Trong mà ít khi có quan hệ với Trung Quốc. Đối với nhà Nguyễn ở Việt Nam, mối quan hệ thân thuộc hơn là với các nước Đông Nam Á. Trên thực tế, các quan lại dưới thời Nguyễn Phúc Ánh gần như là thờ ơ với các mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Như đã nói ở phần trước, các quan lại cấp cao của nhà Tây Sơn như Ngô Thì Nhậm, Nguyễn Gia Phan, và Phan Huy Ích vẫn an toàn dù là nhất thời. Nếu chúng ta nhớ đến vị trí triều đình của những vị quan này là chức *Thượng thư*, sự khoan dung độ lượng của Gia Long dường như khá hào phóng. Lý do là bởi vì Gia Long đã quá phụ thuộc vào họ trong việc đối ngoại với Trung Quốc²⁷.

Ở Thăng Long, Gia Long gửi Lại bộ thiêm sự Lê Chính Lộ và Binh bộ thiêm sự Trần Minh Nghĩa lá thư cho Tổng đốc Lương Quảng (Quảng Đông và Quảng Tây) để đề nghị bắt đầu quá trình "*bang giao*", và cho phép họ vào Nam Quan (trần Nam Quan từ phía Trung Quốc) ở khu vực biên giới Lạng Sơn và mong đợi câu trả lời từ phía Trung Quốc²⁸.

Vào thời điểm này, Gia Long đưa ra một đề nghị khá thú vị rằng ông nên đến Nam Quan để dự buổi gặp mặt ở đình Nam Quan: "[...] Nước nhà mới dựng, muốn tiếp sứ nhà Thanh ở cửa ải [từ Hán Việt là quan thượng] để làm lễ tuyên phong cho đỡ phiền phí [...]"²⁹.

Chúng tôi đã xem xét gợi ý này một cách cẩn thận và muốn tìm ra ngụ ý của nó. Có phải là vì lý do như đã được tranh luận trong gợi ý của Gia Long là để giảm những phiền phí? Điều đó có thể đúng theo một mức độ nào đó nhưng đó có thể không phải là lý do chính, bởi vì những phiền phí cho chuyến đi của nhà vua (với một số lượng lớn những người tùy tùng) đến Nam Quan có thể sẽ gặp rất nhiều khó khăn và chi phí có thể sẽ lớn hơn. Lý do đằng sau gợi ý này của vua Gia Long là gì và ý tưởng gì nằm ở phía sau lời đề nghị đó?

Đầu tiên là sự thờ ơ của Gia Long. Như đã đề cập ở trên, nhà vua các thành viên hoàng tộc đều chưa từng có kinh nghiệm trong quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Trong *Đại Nam thực lục tiền biên*, lịch sử 250 năm của nhà Nguyễn, thật khó để tìm ra chứng cứ triều đình nhà Nguyễn cử các sứ giả tới Trung Quốc, trong khi triều Nguyễn lại duy trì mối quan hệ ngoại giao với các nước Đông Nam Á, Nhật Bản và các cảng biển Đông Nam Á của các cường quốc châu Âu (một lần đối với Triều Tiên³⁰).

Lý do thứ hai cần được đề cập ở đây là sự tìm tòi của Gia Long. Nhà vua đến Thăng Long từ vùng cực Nam của Việt Nam gồm các tỉnh Cà Mau và Hà Tiên, đến phía bắc qua miền Trung Việt Nam không chỉ bằng đường bộ mà cả bằng đường biển. Nhà vua còn chưa biết đến chặng đường từ Thăng Long đến Lạng Sơn. Hẳn là nhà vua cũng muốn thăm vùng biên giới. Là một chiến binh như Gia Long, chuyến đi từ Thăng Long tới Lạng Sơn không phải là một công việc khó khăn. Là một người trải nghiệm qua những chuyến đi biển dữ dội qua vịnh Xiêm, chuyến đi dễ dàng tới Lạng Sơn hẳn phải là một chuyến du ngoạn đầy thích thú để chiêm ngưỡng vùng biên cương.

Vai trò như là một người trị vì trong vùng hẳn phải được xem xét kỹ lưỡng. Như đã được tìm ra sau đó, chuyến đi của vua được đồng hành bởi một loạt các hoạt động hào tâm, nhân đạo để an ủi các con dân. Chuyến đi của Gia Long tới Lạng Sơn có thể được coi như là một cơ hội để quảng bá hình ảnh nhân từ của một vị vua mới.

Lý do thứ tư có thể được tìm thấy từ dự định của nhà vua trong việc biểu dương sức mạnh của ngài không chỉ đối với những người dân trên đường tới Lạng Sơn mà còn đối với những người Trung Quốc vùng biên giới để có được ý tưởng trong mối quan hệ với Trung Quốc, gây áp lực với khu vực biên giới bằng lực lượng quân đội được trang bị vũ khí hiện đại và có kỷ luật. Về sau, khi tranh cãi về vấn đề quốc hiệu xói mòn mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc, Gia Long thể hiện một cách thẳng thừng ý định không lảng tránh đối đầu với Trung Quốc khi từ chối thiết lập mối quan hệ ngoại giao bị áp chế bởi hoàng đế nhà Thanh³¹.

Theo sách *Đại Nam thực lục*, kế hoạch của Gia Long tới Nam Quan bị ngăn cản khi Ngô Thì Nhậm và Phan Huy Ích khuyên rằng điều như thế chưa từng xảy ra trước đây³². Đó không thể là vì Gia Long không biết rằng chưa từng có vị vua nào có cuộc thăm viếng gặp gỡ ở Lạng Sơn. Tất nhiên nhà vua biết, nhưng nhà vua thích làm một điều mới mẻ. Hơn nữa, dự định về chuyến đi của nhà vua tới Nam Quan gợi chúng ta nhớ tới cuộc hành binh của vua Quang Trung tới gần vùng Quảng Tây khiến cho người dân ở gần biên giới bên phía Trung Quốc sợ hãi tháo chạy³³.

Hơn thế nữa, Gia Long biết lịch sử Việt Nam rất kỹ bao gồm thời kỳ còn là Nam Việt³⁴. Khi ông phản đối lời gợi ý của nhà Lê/Trịnh và các tộc trưởng rằng ông nên lên ngôi hoàng đế, Gia Long gợi nhớ tới trường hợp tương tự như ngài từ thời “Triệu Vũ Đế” (Triệu Đà) tới các hoàng đế thời Lý, Trần, Lê ngụ ý rằng ngài không có lý do gì để tránh tước hiệu hoàng đế. Mọi người đều biết việc nhà vua khẳng khái lấy quốc hiệu Nam Việt. Tuy nhiên, như đã được hoàng đế Trung Hoa chỉ ra, quốc hiệu này dễ dàng nhắc họ nhớ tới nước Nam Việt thời Triệu Đà biên giới của nó bao trùm cả Việt Nam, Quảng Tây và Quảng Đông³⁵, mặc dù ý nghĩa quan trọng của cái tên Nam Việt của Gia Long và bề tôi là việc thống nhất những vùng đất của An Nam và Việt Thường³⁶. Vì vậy, đối với Gia Long vùng đất Nam Việt của Triệu Đà vẫn là điều gây sự hiếu kỳ³⁷.

Sự quan tâm của Gia Long đến mối quan hệ ngoại giao với Trung Quốc có thể được hiểu nhiều cách khác nhau. Nhưng có một điều dễ nhận thấy là Gia Long ở Thăng Long hẳn đã cảm thấy thoải mái hơn và rõ ràng hơn đối với các nước Đông Nam Á hơn là với Trung Quốc bởi vì ông đã tích lũy nhiều kinh nghiệm thực tế hơn với những người dân và các quốc gia này³⁸.

Kết luận

Đến đây, tôi đã thảo luận hai vấn đề được vua Gia Long chứng minh khi ông ở Thăng Long. Đầu tiên là chính sách hoà hoãn nhằm vào những trí thức miền Bắc và các dân tộc khác. Thứ hai là xây dựng một trật tự thế giới mới của Việt Nam. Nhiều chính sách ban hành tại Thăng Long đã trở thành mô hình cho các chính sách cơ bản của triều Nguyễn. Trong số đó, hai chính sách này là quan trọng nhất đối với việc điều hành quốc gia trong lịch sử của Việt Nam, tính đến khi thống nhất đất nước.

Chính sách hoà hoãn còn tồn tại trong các vương triều kế tiếp. Dưới các triều Minh Mạng (1820 - 1841) và Thiệu Trị (1841 - 1847), chính sách hoà hoãn nhằm vào những trí thức miền Bắc đã phát huy hiệu quả rất tích cực với các chuyến đi của các vua đến Hà Nội và ở lại trong thành Thăng Long để tiếp nhận các nhiệm vụ bổ nhiệm của Trung Quốc. Việc này kéo dài cho đến đầu triều đại Tự Đức, người đã từ chối thực hiện hoạt động chính trị quan trọng này.

Trước đó, vua Minh Mạng đã bãi bỏ chính sách hoà hoãn đối với các dân tộc thiểu số và thay vào đó là chính sách đồng hoá.

Trên phương diện bang giao, quan hệ gần gũi với các quốc gia Đông Nam Á tiếp tục được các vương triều sau này duy trì. Trong nửa đầu của thế kỷ XIX, trật tự thế giới được thừa nhận ở Việt Nam mang tính đa trung tâm chứ không phải lấy Trung Hoa là trung tâm hay trật tự kiểu con rồng nhỏ.

Tuy nhiên, quan điểm trật tự thế giới này bị thay đổi khi Việt Nam sát nhập Cao Miên thành một phần của Việt Nam vào cuối triều đại Minh Mạng và đầu triều đại Thiệu Trị.

Cái giá mà Gia Long phải trả cho quyết định đối với Thăng Long là một giá đắt. Tự Đức phải đối mặt với các cuộc nổi dậy của Cao Bá Quát năm 1854 và của Tạ Văn Phụng năm 1862. Nguồn tài nguyên khổng lồ của đế chế Minh Mạng đã bị cạn kiệt do sự bất ổn gây ra bởi các dân tộc thiểu số trong đó có nhiều người định cư Trung Quốc. Các cuộc nổi dậy của Nùng Văn Vân ở miền Bắc Việt Nam là một hậu quả nghiêm trọng của sự chuyển đổi chính sách liên quan với vấn đề dân tộc ở miền Bắc Việt Nam. Ở Cao Miên, những trận đánh ác liệt giữa quân đội Việt và các đồng minh Cao Miên - Xiêm gây tổn hại nghiêm trọng tới sức mạnh của Việt Nam dưới triều Thiệu Trị và tồi tệ hơn, dẫn tới mối quan hệ thù địch giữa Việt Nam và Xiêm.

Thành Thăng Long đã được gần 800 năm tuổi tính đến năm 1802 khi Gia Long vào thành và ở lại đó. Toà thành - với bề dày truyền thống, trí tuệ, kinh nghiệm và thậm chí cả linh hồn của tổ tiên trong suốt 800 năm - là nơi Gia Long đã quyết định cách thức quản lý mới của Việt Nam. Quyết định Thăng Long - chính sách hoà hoãn và trật tự thế giới mới - có thể coi là nguồn cảm hứng quan trọng nhất của Thăng Long không chỉ đối với Gia Long mà còn đối với các nhà lãnh đạo quốc gia, những người đã nghiêm túc quan tâm đến sự thịnh vượng của nước Việt Nam thống nhất.

CHÚ THÍCH

- ¹ Luận giả thêm về quốc hiệu của thời Gia Long, xem Choi Byung Wook, *Miền Nam Việt Nam dưới triều Minh Mạng (1820 - 1841): chính sách triều đình và phản ứng địa phương* (SEAP, Cornell University, 2004), p. 45.
- ² *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ* (1848, Học viện Văn hoá và Nghiên cứu Ngôn ngữ, Keio University, 1968, từ đây về sau viết tắt là DNTL1), 17:20b; 18:32b.
- ³ Vào năm 1803, nhà vua thăm Thăng Long lần thứ hai. Mục đích chính của chuyến đi là để gặp sứ giả của Trung Quốc.
- ⁴ *Đại Nam thực lục*, tập I, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2001, tr.503; DNTL1, 17:20b.
- ⁵ *Đại Nam thực lục*, sdd, tập I, tr.507.
- ⁶ *Đại Nam thực lục*, sdd, tập I, tr.507.
- ⁷ DNTL1, 18:1; Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, Học viện Nghiên cứu Châu Á, Hong Kong, 1965, tr. 13-14; 16.
- ⁸ Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, tr. 14.
- ⁹ DNTL1, 17:25a.
- ¹⁰ Ba người đàn ông này được gửi vào Huế vì Gia Long không muốn hành hình họ ngay lập tức. Ở Huế, những lời đề nghị của các vị chủ chốt của đạo như ông Đặng Trần Thường được đưa ra là sẽ giết họ, nhưng vua Gia Long không nghe. Thay vào đó, tháng 2 năm 1803 khi ông quay về Huế, ông lại trao trả họ về Thăng Long nơi Bắc thành Tổng trấn quan Nguyễn Văn Thành là Tổng tư lệnh nhưng không đủ tư cách để cai trị vùng đất phía bắc từ khi Gia Long rời Huế để thảo luận vấn đề đó một lần nữa. Quan điểm được thống nhất giữa Gia Long và Nguyễn Văn Thành là đánh họ bằng roi. Việc này đã diễn ra tại Quốc Tử Giám được xây bởi nhà Lê. Ngô Thi Nhậm đã chết sau trận đòn còn Phan Huy Ích và Nguyễn Gia Phan vẫn sống sót. DNTL1, 20:12.
- ¹¹ DNTL1, 18:4a.
- ¹² Phan Thúc Trực làm rõ ngày 9 tháng 8 âm lịch. Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, tr. 17.
- ¹³ DNTL1, 18:16a.
- ¹⁴ DNTL1, 18:24b-25.
- ¹⁵ *Đại Nam thực lục*, sdd, tập I, tr.508; DNTL1, 18:2b.
- ¹⁶ DNTL1, 18:2b.
- ¹⁷ DNTL1, 18:25b-26a.
- ¹⁸ DNTL1, 18:26.
- ¹⁹ Choi Byung Wook, *Miền Nam Việt Nam dưới triều Minh Mạng*, tr.33-43.
- ²⁰ DNTL1, 18:14a.
- ²¹ DNTL1, 18:27b-28a.
- ²² DNTL1, 18:17b-18a; Phan Thúc Trực, *Quốc sử di biên*, tr.18-19.
- ²³ DNTL1, 17:25.
- ²⁴ DNTL1, 18:17a.
- ²⁵ Xem thêm từ: Nguyễn Thế Anh, "Vài nhận xét về thể cờ ngoại giao trong bán đảo Đông Dương đầu thế kỷ XIX," in trong *Triều Nguyễn và lịch sử của chúng ta (Xưa và nay, NXB Văn hóa Sài Gòn, 2008); Hoàng Các di văn*, A.2137.
- ²⁶ Choi Byung Wook, *Trật tự thế giới của Việt Nam trong suốt nửa đầu thế kỷ XIX (Hàn Quốc)*, tr.17.
- ²⁷ DNTL1, 17:25a.
- ²⁸ DNTL1, 18:6.
- ²⁹ *Đại Nam thực lục*, sdd, tập I, tr.510; DNTL1, 18:6a.
- ³⁰ Choe Sang-su, *Mối quan hệ giữa Hàn Quốc và Việt Nam (Hàn Quốc)*, Seoul, 1966, tr.109-111.
- ³¹ DNTL1, 23:2a.
- ³² DNTL1, 18:6a.

- ³³ *Đại Nam chính biên liệt truyện sơ tập*, (1889, Học viện Nghiên cứu Ngôn ngữ Keio, Nhật Bản, 1962), 30:35a.
- ³⁴ Gia Long rất thích đọc sách lịch sử. Khi ở Thăng Long, Nguyễn Văn Thành đã thu thập cuốn *Trình Quan chính yếu* cho ngài. *DNTL1*, 18:18b.
- ³⁵ Alexander Woodside, *Việt Nam và mô hình Trung Hoa*, NXB Đại học Harvard, 1971, tr. 120.
- ³⁶ Choi Byung Wook, *Miền Nam Việt Nam dưới triều Minh Mạng*, tr.131-132.
- ³⁷ Trong suốt nửa đầu thế kỷ XIX, những quan lại nhà Nguyễn thường được phái đi Quảng Châu, thủ phủ của Quảng Đông. Đối với những người này, làng của Triệu Đà là nơi quan trọng phải chú ý. Xem Lý Văn Phúc, 1833, *Việt Hành ngâm thảo*, Viện Hán Nôm A 300; Như Bá Sĩ, 1857, *Việt Hành tạp thảo*, Viện Hán Nôm, ký hiệu: VHv 1797.
- ³⁸ Trong suốt những chuyến thăm Xiêm, Nguyễn Phúc Ánh có cơ hội giao thiệp với vua của Cao Miên, Lào cũng như Ramal, các con trai của ông tất nhiên sẽ là một trong những người sẽ trở thành vua và có thể là các sứ giả ngoại giao khác từ các nước Đông Nam Á.